

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Tài

2. Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thúy N, sinh năm: 1986.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1981.

Cùng trú tại: Tổ 1, thôn D, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Chị N có mặt, Anh C có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thúy N trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Tấn C tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đi đến kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn sinh được 02 con chung thì vợ chồng chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh C đi làm hay uống rượu về gây gổ tôi, xúc phạm danh dự của tôi. Anh C thường ghen tuông vô cớ mặc dù bản thân tôi không có gì sai. Tôi bức xúc có nói lại thì Anh C đánh đập tôi nhiều lần. Ngoài ra, Anh C không có trách nhiệm với gia đình, đi làm về không chi tiền trong gia đình nhưng vẫn ăn uống chung khi tôi nấu nướng. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 28/6/2011.

2. Nguyễn Anh T, sinh ngày: 11/01/2016.

Tôi có nguyện vọng xin nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành. Bởi vì 02 con hiện giờ đang nhỏ, lại là con gái chưa tự chăm sóc bản thân được cần có sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ. Trong khi đó Anh C thường đi làm về buổi tối nên không có thời gian chăm các con. Nếu được nuôi con tôi không yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay tôi công việc của tôi là làm bánh, thu nhập mỗi ngày trung bình được 3 trăm ngàn đồng, đảm bảo nuôi con. Trong khoảng thời gian 3 năm nay Anh C đi làm không có đưa tiền cho tôi nhưng tôi nuôi con vẫn tốt.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 ngôi nhà cấp 4 nhưng chúng tôi tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Tấn C trình bày: Tôi thống nhất lời khai của cô N về thời gian, điều kiện kết hôn, Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không giống như cô N trình bày. Bản thân tôi thừa nhận có đánh vợ nhưng có lý do chứ không phải vô cớ mà đánh. Nay vợ tôi yêu cầu được ly hôn với tôi thì tôi chiều theo ý kiến của vợ. Tôi thống nhất ly hôn với cô N.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung như cô N trình bày là Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 28/6/2011 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/01/2016. Tôi cũng có nguyện vọng nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Bởi vì 02 con là con gái tôi sợ cô N nuôi không đảm bảo. Ngoài ra điều kiện của tôi tốt hơn cô N, thu nhập của tôi một ngày được vài trăm ngàn nên thu nhập của tôi ổn định hơn cô N. Công việc cô N làm bánh giao cho bạn hàng nhưng lúc có lúc không. Còn việc cô N khai tôi đi làm không đưa tiền cho Nga là không đúng. Thực ra việc tôi không đưa tiền cho cô N mới 2 năm nay, nhưng là đưa không đều, vì thỉnh thoảng tôi cũng có đưa cho vợ 5 trăm ngàn, ngoài ra tôi còn chi trả những khoản chi tiêu khác trong gia đình.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ ai.

* Vào ngày 26/4/2021, anh Nguyễn Tấn C có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do Anh C bận đi làm ăn xa nên ngày 28/4/2021 Anh C không thể tham dự phiên tòa. Ngoài ra, Anh C có văn bản thống nhất về việc giao các con cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị N mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ 6 năm 2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

* Tại phiên tòa Chị N thống nhất với mức cấp dưỡng của Anh C đề nghị. Chị N thống nhất với việc Anh C giao các con cho Chị N nuôi dưỡng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của các đương sự. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Tấn C cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn C đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thúy N và anh Nguyễn Tấn C có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/06, quyền số 12 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/5/2006, xác định Chị N và Anh C là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, Chị N và Anh C đều xác định vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân theo Chị N là do Anh C thường xuyên xúc phạm và đánh đập vợ. Còn theo Anh C khai mâu thuẫn là do Chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con nhưng Chị N cương quyết ly hôn và Anh C thống nhất với yêu cầu ly hôn của Chị N. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Thúy N và anh Nguyễn Tấn C.

[3] Về con chung: Chị N và Anh C thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng Anh C Chị N có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 28/6/2011.

2. Nguyễn Anh T, sinh ngày: 11/01/2016.

Nguyên vọng của Chị N nếu ly hôn Chị N xin được trực tiếp nuôi các con khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tại văn bản ngày 26/4/2021 anh Nguyễn Tấn C thống nhất giao các con cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu Ý mong muốn được sống cùng với Chị N. Hội đồng xét xử xét thấy Chị N thực sự mong muốn được nuôi con, Anh C thống nhất với nguyện vọng của Chị N. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao các cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 28/6/2011

và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 11/01/2016 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, theo đúng nguyện vọng của con và đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trước đây Chị N không yêu cầu Anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị N mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa Chị N thống nhất với sự tự nguyện của Anh C nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Tấn C phải cấp dưỡng cùng Chị N nuôi các con chung là các cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 28/6/2011 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 11/01/2016 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi các cháu Ý và Thư đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con . Vì lợi ích của con , theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên , Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên. Nếu Anh C không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà Nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[5] Về tài sản chung: Chị N và Anh C thống nhất để vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N và Anh C thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thúy N phải chịu số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005671 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Tấn C phải chịu.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thúy N và anh Nguyễn Tấn C thống nhất thỏa thuận tình ly hôn.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

2.1 Công nhận vợ chồng chị Võ Thị Thúy N và anh Nguyễn Tấn C có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 28/6/2011 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 11/01/2016.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Thúy N. Giao các cháu Nguyễn Thị Như Y và cháu Nguyễn Anh T cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3 Buộc anh Nguyễn Tấn C phải cấp dưỡng cùng Chị N nuôi các con chung là các cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 28/6/2011 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 11/01/2016, mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi các cháu Ý và Thư đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên. Nếu Anh C không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà Nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị N và Anh C thống nhất để vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N và Anh C thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thúy N phải chịu số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005671 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Tấn C phải chịu.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành